

Số: 311/BC-THĐK

Khoái Châu, ngày 26 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO
Thực hiện thường niên năm 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Đông Kết

Địa chỉ:

- Thôn Đông Kết - xã Khoái Châu - tỉnh Hưng Yên

- Điện thoại: 0975778103

- Website: <https://c1dongketkc.hungyen.edu.vn/>

Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Văn hoá-Xã hội xã Khoái Châu.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, đoàn kết, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao.

Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nề nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Lịch sử hình thành: Trường TH Đông Kết (tiền thân là PHCS cấp I và cấp II Đông Kết) được thành lập từ 1990, tách ra từ trường PTCS Đông Kết năm 1990 có tên gọi là Trường PTCS cấp 1 xã Đông Kết. Trong những năm đầu mới tách, trường còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất. Trong quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các Đảng cung cấp, chính quyền địa phương, các ngành thể thao và nhân dân, giúp các trường hoàn thành mục tiêu giáo dục. Nhà trường luôn đi đúng đường giáo dục của Đảng và Nhà nước, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện. Trường Tiểu học Đông Kết có nhiều năm đạt danh hiệu: Tập thể lao động tiên tiến, được Sở GDĐT tặng Giấy khen. Năm học 2024-2025 trường đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc.

Trường Tiểu học Đông Kết là trường công lập do UBND xã Khoái Châu thành

lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình GD tiểu học do Bộ GDĐT ban hành trên địa bàn xã Đông Kết.

- Xây dựng phát triển nhà trường các quy định của Bộ GDĐT và nhiệm vụ giáo dục phát triển của địa phương, Thực hiện kiểm định chất lượng GD. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Phan Thị Đào Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Đông Kết, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Số điện thoại: 0975778103 Gmail: phandao73@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập trường

Trường Tiểu học Đông Kết được thành lập theo Quyết định của UBND xã Khoái Châu

7.2. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng.

Quyết định số 903/ QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của UBND xã Khoái Châu Về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học đối với bà Phan Thị Đào chức vụ Hiệu trưởng Trường Tiểu học Đông Kết.

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động

- Cơ chế hoạt động của Trường Tiểu học Đông Kết

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Chi bộ nhà trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết

quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học Đông Kết được thành lập theo Quyết định của UBND xã Khoái Châu. Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường Tiểu học trọng điểm của địa bàn xã Khoái Châu.

Trường Tiểu học Đông Kết là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Phòng VH-XH xã Khoái Châu.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GDĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GDĐT
- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GDĐT.
- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 31 đảng viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 01 Phó hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đoàn đội: có 16 lớp sao nhi đồng và 11 chi đội.
- + Ban đại diện CMHS.
- + Các tổ chuyên môn: 03 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng

7.5. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Phan Thị Đào	Hiệu trưởng	0975778103	phandao73@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Đông Kết, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Kế hoạch Chiến lược phát triển của nhà trường; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ.

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

STT	Nội dung	TS	Trình độ đào tạo			Hạng chức danh nghề nghiệp		
			T.S	ĐH	CĐ	IV	III	II
Tổng số GV, CBQL và NV		36	1	34	1		31	5
I	Cán bộ quản lý	1	1				1	1
1	Hiệu trưởng	1	1					1
2	P. Hiệu trưởng	1		1			1	
II	Giáo viên	32	0	31	1		28	4
1	GVVH	24	0	23	1		23	1
2	Tiếng Anh	2		2				2
3	Âm nhạc	1		1			1	
4	Mỹ Thuật	2		2			2	
5	Giáo dục Thể chất	2		2			1	1
6	Tin học và Công nghệ	1		1			1	
III	Nhân viên	2		2			2	
1	Nhân viên Kế toán	1		1			1	
2	Nhân viên Thư viện	1		1			1	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đánh giá năm học 2025-2026

Đội ngũ	Số lượ	Xếp loại viên chức	Đánh giá Chuẩn nghề nghiệp	Giáo viên giỏi
---------	-----------	--------------------	-------------------------------	----------------

	ng	Xuất sắc		Tốt		Tốt		Khá		Tĩnh		Xã		Trường	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
CBQL	2	2	100	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0
Giáo viên	32	6	19	26	81	15	50	15	50	0	0	6	19	21	66
Nhân viên	2	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	36	8	22	28	78	17	53	15	47	0	0	6	19	21	66

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng năm học 2025-2026

Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: $34/34 = 100\%$; trong đó BGH: 02, GV: 32.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng, điểm trường

Diện tích khuôn viên nhà trường: 8.316 m². Trường có một điểm trường, diện tích bình quân 8.316/958 HS đạt 6,8 m²/HS. Như vậy so với yêu cầu tối thiểu còn thiếu 3,2 m²/HS.

2. Các hạng mục công trình

STT	Các hạng mục công trình	Số lượng theo quy định mức 2	Diện tích Tiêu chuẩn mức độ 2	Số lượng công trình hiện có	Diện tích thực tế (m ²)	So với yêu cầu mức 2
1	Khối phòng hành chính quản trị					
1.1	Phòng Hiệu trưởng	1	Không quy định	1	38	Đảm bảo
1.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	1	Không quy định	1	38	Đảm bảo
1.3	Văn phòng	1	Không quy định	1	50	Đảm bảo
1.4	Phòng của các tổ chức Đảng, đoàn thể	1	Không quy định	1	38	Đảm bảo
1.5	Phòng bảo vệ	1	Không quy định	1	20	Đảm bảo
1.6	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên nam	2	Không quy định	2	20	Đảm bảo
1.7	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên nữ	2	Không quy định	2	20	Đảm bảo
1.7	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	1	Không quy định	1	30	Đảm bảo

2	Khối phòng học tập					
2.1	Phòng học	27	1,35m ² /học sinh; 1,50m ² /học sinh nếu kết hợp nghỉ trưa	1	1,35m ² /học sinh	Thiếu diện tích so quy định
2.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	1,85m ² /học sinh	1	1,35m ² /học sinh	Thiếu diện tích so quy định
2.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	1,85m ² /học sinh	1	1,35m ² /học sinh	Thiếu diện tích so quy định
2.4	Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ	1	1,85m ² /học sinh	1	1,35m ² /học sinh	Thiếu diện tích so quy định
2.5	Phòng học bộ môn Tin học	2	1,50m ² /học sinh	1	1,35m ² /học sinh	Thiếu diện tích so quy định
2.6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	2	1,50m ² /học sinh	2	1,35m ² /học sinh	Thiếu diện tích so quy định
2.7	Phòng đa chức năng	2	1,50m ² /học sinh	0		Thiếu diện tích so quy định
3	Khối phòng hỗ trợ học tập					
3.1	Thư viện	1	0,60m ² /học sinh; phòng đọc 2,40m ² /chỗ	1	0,60m ² /học sinh; phòng đọc 2,40m ² /chỗ	Đảm bảo quy định
3.2	Phòng thiết bị giáo dục	1	48m ² /phòng	1		Đảm bảo quy định
3.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	1	24m ² /phòng	1	38	Đảm bảo quy định
3.4	Phòng Đội Thiếu niên	1	0,03m ² /học sinh	1	38	Đảm bảo quy định
3.5	Phòng truyền thống	1	48m ² /phòng	1	38	Đảm bảo quy định

4	Khối phụ trợ					
4.1	Phòng họp	1	1,20m ² /người	1	38	Đảm bảo quy định
4.2	Phòng Y tế trường học	1	24m ² /phòng	1	38	Đảm bảo quy định
4.3	Nhà kho	1	48m ² /kho	1	38	Chưa đảm bảo quy định
4.4	Khu để xe học sinh	1	0,90m ² /xe đạp	1	250	Đảm bảo quy định
4.5	Khu vệ sinh học sinh nam	2	0,06m ² /học sinh	2	50	Đảm bảo quy định
4.6	Khu vệ sinh học sinh nam	2	0,06m ² /học sinh	2	50	Đảm bảo quy định
4.7	Phòng nghỉ giáo viên	3	12m ² /phòng	0	0	Chưa đảm bảo quy định
4.8	Phòng giáo viên	1	4m ² /giáo viên	0	0	Chưa đảm bảo quy định
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao					
5.1	Sân trường	1	1,50m ² /học sinh	1	2000	
5.2	Sân thể dục thể thao	1	0,35m ² /học sinh	1	1000	
5.3	Nhà đa năng	1	450m ² /nhà sàn tập 12x24m	0	0	Chưa đảm bảo quy định
6	Khối phục vụ sinh hoạt					
6.1	Nhà bếp	1	0,30m ² /học sinh	0	0	Chưa đảm bảo quy định
6.2	Kho bếp	1	10m ² /kho thực phẩm; 12m ² /kho lương thực	0	0	Chưa đảm bảo quy định
6.3	Nhà ăn	1	0,65m ² /chỗ	0	0	Chưa đảm bảo quy định
6.4	Nhà ở nội trú	1	4m ² /chỗ	0	0	Chưa đảm bảo quy định
6.5	Phòng quản lý học sinh	1	9m ² /phòng	0	0	Chưa đảm bảo quy định
6.6	Phòng sinh hoạt chung	1	0,20m ² /học sinh	0	0	Chưa đảm bảo quy định

3. Số lượng thiết bị dạy học hiện có theo quy định danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học, đối chiếu với yêu cầu tối thiểu theo quy định

TT	Tên thiết bị	Số quy định	Số lượng hiện có	Thiếu so với yêu cầu	Ghi chú
1	Thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định các lớp				
1.1	Khối lớp 1		141	Chưa đủ	
1.2	Khối lớp 2		195	Chưa đủ	
1.3	Khối lớp 3		106	Chưa đủ	
1.4	Khối lớp 4		63	Chưa đủ	
1.5	Khối lớp 5		153	Chưa đủ	
2	Thiết bị dùng chung				
2.1	Máy tính để bàn cho CBQL, NV	3	3	Đảm bảo	
2.2	Máy tính để bàn cho dạy học	27	0	Thiếu	
2.3	Máy tính xách tay cho CBQL, NV	3	0	Thiếu	
2.4	Máy tính xách tay cho dạy học	3	3	Đảm bảo	
2.5	Máy quét (Scanner)	1	1	Đảm bảo	
2.6	Máy in (Printer)	4	4	Đảm bảo	
2.7	Máy chiếu (Projector)	30	24	Chưa đủ	
2.8	Bảng thông minh	2	2	Đảm bảo	
2.9	Tivi	33	16	Chưa đủ	
2.10	Loa trợ giảng	5	2	Chưa đủ	
2.11	Máy quay phim	1	0	Chưa đủ	
2.12	Phòng máy vi tính cho dạy học	30	17	Chưa đủ	
2.13	Phòng họp trực tuyến	1	0	Chưa đủ	
3	Thư viện				
3.1	Sách nghiệp vụ	1506	1506	Đảm bảo	
3.2	Sách tham khảo	4313	4313	Đảm bảo	
3.3	Sách thiếu nhi	1236	1236	Đảm bảo	
3.4	Tài liệu khác	452	452	Đảm bảo	

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt và danh mục, số lượng xuất bản phần tham khảo tối thiểu đã nhà trường lựa chọn, sử dụng.

4.1. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường

4.1.1. Danh mục sách giáo khoa Lớp 1

TT	Tên sách	Tên tác giả	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 1	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thị Vân Hương, Trần Thị Tố Oanh.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thần (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tĩnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục Thể chất 1	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 1	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đỗ Thanh Hiên.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
7	Mĩ thuật 1	Đinh Lê Gia (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển (Chủ biên), Phạm Duy Anh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm 1	Bùi Sỹ Tụng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luân, Trần Thị Thu.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 1	Hoàng Tăng Đức (Chủ biên), Nguyễn Mạnh Cường.	Macmillan Next Move	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

4.1.2. Danh mục sách giáo khoa Lớp 2

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tên bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Lê Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Trần Kim Phụng, Lê Thị Lan Anh, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phụng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 2	Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Ngô Vũ Thu Hằng (Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Vũ Thị Mai Hương.	Cánh Diều	Nhà xuất bản ĐHSP Thành phố HCM
4	Tự nhiên và Xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tĩnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục Thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyền, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 2	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố HCM
7	Mĩ thuật 2	Đoàn Thị Mỹ Hương - Đinh Gia Lê (đồng Tổng chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Trần Thị Biền, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang, Bùi Quang Tuấn.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

8	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng chủ biên); Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên); Vũ Thị Lan Anh; Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận, Trần Thị Tố Anh, Trần Thị Thu.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 2	Hoàng Tăng Đức (Chủ biên)	Macmillan Next Move	Nhà xuất bản ĐHSP Thành phố HCM

4.1.3. Danh mục sách giáo khoa Lớp 3

TT	Tên sách	Tên tác giả	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 3	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thanh Huân, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Tin học 3	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền,	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đăng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.		
6	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Thịnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục Thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc 3	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố HCM
9	Mĩ thuật 3	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biễn, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tổ Oanh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Tiếng Anh 3	Hoàng Tăng Đức (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hoài, Hoàng Thùy Hương.	Macmillan Next Move”	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

4.1.4. Danh mục sách giáo khoa Lớp 4

TT	Tên sách	Tên tác giả	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 4	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.		
2	Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Lịch sử và Địa lí 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục Thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hùng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

9	Âm nhạc 4	Lê Anh Tuấn (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	Cánh điều	NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh
10	Mĩ thuật 4	Đinh Gia Lê (Tổng chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương(đồng Chủ biên). Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy(Tổng chủ biên) Nguyễn Thụy Anh(Chủ biên) Nguyễn Thị Thanh Bình, Trần Thị Tố Oanh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 4	Hoàng Tăng Đức(Chủ biên), Đặng Ngân Giang, Nguyễn Thị Thu Hoài.	Macmillan Next Move	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

4.1.5. Danh mục sách giáo khoa Lớp 5

TT	Tên sách	Tên tác giả	Bộ sách	Tổ chức, cá nhân ¹	Đơn vị liên kết ²
1	Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hảo Tâm.			
2	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy.	Cánh điều	Công ty Vepic	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành

					phố Hồ Chí Minh
4	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
5	Lịch sử & Địa lý	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lý), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lý), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
6	Âm nhạc 5	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Trương Thị Thùy Linh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	Cánh diều	Công ty Vepic	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
7	Mĩ thuật 5	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
8	Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
9	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

10	Giáo dục thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
11	Tiếng Anh 5	Hoàng Tăng Đức (Chủ biên), Đỗ Thị Thúy Vân, Nguyễn Thị Xuân.	Macmillan Next Move	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	
12	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

4.2. Danh mục, số lượng xuất bản phần tham khảo tối thiểu đã nhà trường lựa chọn, sử dụng

TT	Tên sách tham khảo	Nhà xuất bản	Tác giả
1	Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Vũ Thị Thanh Hương, Hoàng Minh Ngọc
2	Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên), Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hào Tâm
3	Tập viết lớp 1, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng, Phạm Kim Chung
4	Tập viết lớp 1, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng, Phạm Kim Chung
5	Vở bài tập Toán , tập 1	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh
6	Vở bài tập Toán 1, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Qué Hường, Bùi Bá Mạnh
7	Vở Bài tập Mĩ thuật 1	Giáo dục	Đinh Gia Lê (Chủ biên), Phạm Duy Anh,

		Việt Nam	Trần Thị Biền
8	Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Nguyễn Ngọc Minh, Trần Kim Phụng
9	Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Đặng Thị Hảo Tâm
10	Tập viết lớp 2 tập 1	Giáo dục	Bùi Mạnh Hùng, Phạm Kim Chung
	Tập viết lớp 2 tập 2	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng, Phạm Kim Chung
11	Vở bài tập Toán 2, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh
12	Vở bài tập Toán 2, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh
13	Vở Bài tập Mỹ thuật 2	Giáo dục Việt Nam	Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên)
14	Vở bài tập Tiếng Việt 3, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)
15	Vở bài tập Tiếng Việt 3, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)
16	Tập viết lớp 3, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Phạm Kim Chung.
17	Tập viết lớp 3, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Phạm Kim Chung.
18	Vở bài tập Toán 3, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Vũ Văn Luân, Bùi Bá Mạnh.
19	Vở bài tập Toán 3, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.
20	Vở Bài tập Mỹ thuật 3	Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Xuân Nghị (Chủ biên)
21	Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)
22	Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)
23	Vở bài tập Toán 4, tập 1	Giáo dục	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế

			Hường, Vũ Văn Luân, Bùi Bá Mạnh.
24	Vở bài tập Toán 4, tập 2	Việt Nam	Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân, Bùi Bá Mạnh.
25	Vở Bài tập Mỹ thuật 4	Giáo dục Việt Nam	Đinh Gia Lê (Chủ biên)
26	Vở bài tập Tiếng Việt 5, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)
27	Vở bài tập Tiếng Việt 5, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)
28	Vở bài tập Toán 5, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân, Bùi Bá Mạnh.
29	Vở bài tập Toán 5, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Vũ Văn Luân, Bùi Bá Mạnh.
30	Vở Bài tập Mỹ thuật 5	Giáo dục Việt Nam	Đinh Gia Lê (Chủ biên)

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

- Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch tự đánh giá và tự đánh giá chất lượng đạt: Cấp độ 3.

- Có kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường.

- Năm học 2021-2022: Nhà trường đánh giá ngoài theo Quyết định số của Sở GDĐT Hưng Yên.

- Kết quả:

+ Kiểm định chất lượng: Đạt cấp độ 3

+ Đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2

3. Thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp

Nhà trường rà soát, nghiên cứu chương trình, SGK tổ chức dạy tích hợp, lồng ghép GDKP, GDQPAN, GDSTEM, GD CDS,...

- Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp:

Không

- Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công nhận về chất lượng giáo dục: Sở Giáo dục Hưng Yên

- Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục: Tiếng Việt.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2025-2026

1.1. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1.	Kết quả tuyển sinh năm học 2025-2026	197	197	0	0	0	0
2.	Số học sinh	943	202	169	186	181	205
3.	Số lớp	27	6	5	5	5	6
4.	Sĩ số bình quân	34,9	33,7	33,8	37,2	36,2	34,2
5.	Số học sinh học 2 buổi/ngày	943	202	169	186	181	205
6.	Số học sinh dân tộc	11	2	1	2	4	2
7.	Số học sinh khuyết tật	9	4	1	1	3	0
8.	Số học sinh thuộc diện chính sách	42	10	8	7	6	11
9.	Số học sinh chuyển đi	2	0	0	1	0	1
10.	Số học sinh chuyển đến	6	2	0	2	0	2

1.2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

a) Kết quả các môn học và hoạt động giáo dục

Môn học	Sĩ số	Đánh giá định kỳ cuối năm					
		HTT		HT		Chưa HT	
		SL	%	SL	%	SL	%
Tiếng Việt	943	502	53,2	435	46,2	6	0,6
Toán	943	520	55,1	417	44,3	6	0,6

Đạo đức	943	582	61,7	361	38,8	0	0
Tự nhiên xã hội	557	312	56,0	245	44,0	0	0
Khoa học	386	241	62,4	145	38,6	0	0
Sử + Địa lý	386	234	60,6	152	39,4	0	0
Âm nhạc	943	566	60,0	377	40,0	0	0
Mĩ Thuật	943	702	74,4	241	25,6	0	0
Hoạt động trải nghiệm	943	562	59,5	381	40,5	0	0
Giáo dục thể chất	943	611	64,7	332	35,3	0	0
Công nghệ	572	370	64,6	201	35,2	1	0,2
Tin học	572	325	56,8	247	43,2	0	0
Tiếng Anh	943	570	60,4	368	39,1	5	0,5

b) Kết quả về năng lực chung

Năng lực	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Tự chủ và tự học	943	570	60,4	368	39,1	5	0,5
Giao tiếp và hợp tác	943	558	59,1	383	40,7	2	0,2
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	943	508	58,7	431	40,9	4	0,4

c) Kết quả về năng lực đặc thù

Năng lực	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Ngôn ngữ	943	533	56,5	404	42,9	6	0,6
Tính toán	943	541	57,3	396	42,1	6	0,6
Tin học	572	319	55,7	252	44,1	1	0,2
Công nghệ	572	366	63,9	205	35,9	1	0,2
Khoa học	943	556	58,9	386	41,0	1	0,1
Thẩm mĩ	943	648	68,7	294	31,2	1	0,1
Thể chất	943	590	62,5	352	37,7	1	0,1

d) Kết quả về phẩm chất

Phẩm chất	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước	943	826	87,6	117	12,4	0	0
Nhân ái	943	796	84,4	147	15,5	0	0

Chăm chỉ	943	595	63,0	347	36,9	1	0,1
Trung thực	943	674	71,4	268	28,5	1	0,1
Trách nhiệm	943	599	63,5	343	36,4	1	0,1

đ) Kết quả giáo dục

Khối	Tổng số HS	Hoàn thành xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	202	69	34	40	20	88	43,5	5	2,5
2	169	52	31	29	17	88	52	0	0
3	186	60	32	33	18	92	49,5	1	0,5
4	181	54	30	36	20	91	50	0	0
5	205	48	23	51	25	107	52	0	0
Tổng	943	282	30	189	20	466	49,4	6	0.6

e) Số học sinh được lên lớp, không được lên lớp

Khối	Tổng số HS	Hoàn thành chương trình		Chưa HTCT		Lên lớp		Ở lại	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	202	197	97,5	5	2,5	197	97,5	5	2,5
2	169	169	100	0	0	169	100	0	0
3	186	185	99,5	1	0,5	185	99,5	1	0,5
4	181	181	100	0	0	181	100	0	0
5	205	205	100	0	0	205	100	0	0
Tổng	943	937	99,4	6	0,6	937	99,4	6	0,6

g) Số học sinh được khen thưởng

Khối	Tổng số HS	Học sinh xuất sắc		Học sinh Tiêu biểu		Khen cấp trên		Thư khen	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	202	69	34	40	20	52	26	92	46
2	169	52	31	29	17	21	12	88	52
3	186	60	32	33	18	28	15	90	48
4	181	54	30	36	20	30	17	91	50
5	205	48	23	51	25	29	14	31	15
Tổng	943	282	30	189	20	160	17	392	42

1.3. Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học; số học sinh trúng tuyển vào Trường THCS Nguyễn Thiện Thuật

- Tổng số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 205/205 học sinh, đạt tỷ lệ 100%

- Số học sinh tham dự bài kiểm tra năng lực và được tuyển vào Trường THCS Nguyễn Thiện Thuật: 11 học sinh.

2. Chương trình giáo dục hợp tác giảng dạy trong giáo dục chính khoá năm học 2025-2026: Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Kết quả thực hiện tài chính

1.1. Kết quả thực hiện tài chính ngân sách nhà nước năm 2025 và các khoản đóng góp học sinh năm học 2025-2026

a) Kết quả thực hiện tài chính ngân sách nhà nước năm 2025

TT	Loại quỹ	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I. Nguồn ngân sách cấp năm 2025			9.815.328.039	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	- Số dư cuối năm 2024 mang sang	0	
		* Số được cấp năm 2025. Trong đó:	8.537.340.455	
		- Số Dự toán cấp đầu năm	8.537.340.455	
		- Số Dự toán cấp bổ sung trong năm	0	
		* Số chi năm 2025. Trong đó:	8.537.340.455	
		- Chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	7.006.787.426	
		- Tiền thưởng	43.064.000	
		- Thanh toán dịch vụ công cộng (Tiền điện, tiền nước)	64.356.713	
		- Vật tư văn phòng (VPP, mua sắm công cụ, dụng cụ VP, khoán VPP, vật tư VP khác)	116.538.756	
		- Thông tin tuyên truyền liên lạc (Cước điện thoại, cước internet, sách báo, tạp chí)	157.443.178	
		- Hội nghị (Các khoản thuê mướn khác, chi phí khác)	22.800.000	
		- Công tác phí	32.764.967	
		- Chi phí thuê mướn (Thuê lao động trong nước, chi phí thuê mướn khác)	410.803.615	

		- Sửa chữa, duy tu TS phục vụ công tác CM (Nhà cửa, các TBCN thông tin, TS và thiết bị VP, đường điện, cấp thoát nước, các TS khác)	200.727.400	
		- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn (Tài sản và thiết bị chuyên dùng, tài sản và thiết bị khác)	147.417.000	
		- Chi phí NVCM của từng ngành (Mua hàng hóa, vật tư, chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành, chi khác)	97.194.600	
		- Chi khác (Chi các khoản phí và lệ phí, chi các khoản khác)	237.442.800	
		- Số dư cuối năm 2025	0	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	- Số dư cuối năm 2024 mang sang	0	
		* Số được cấp năm 2025. Trong đó:	929.380.000	
		- Số Dự toán cấp đầu năm	920.000.000	
		- Số Dự toán cấp bổ sung dịch vụ học bạ điện tử	9.380.000	
		* Số chi năm 2025. Trong đó:		
		- Sửa chữa khu lớp học	900.000.000	
		- Trả tiền mua PM quản lý thanh tra	20.000.000	
		- Trả tiền dịch vụ học bạ điện tử	9.380.000	
		- Số dư cuối năm 2025	0	
3	Quỹ khen thưởng năm 2025	* Số được cấp năm 2025.	348.607.584	
		* Số chi tiền thưởng năm 2025.	348.607.584	
		- Số dư cuối năm 2025	0	

b) Kết quả thực hiện các khoản đóng góp học sinh năm học 2025-2026

ĐVT: VN đồng

TT	Loại quỹ	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Quỹ nhân đạo	- Số dư cuối năm học 2024-2025 mang sang	695.500	
		- Số thu năm học 2025-2026	0	
		- Số chi	0	
		+ Chi tiền hiến máu nhân đạo	695.500	

		Số dư	0	
2	Tiền mua nước uống cho học sinh	- Số dư cuối năm học 2024-2025 mang sang	0	
		- Số thu năm học 2025-2026	81.990.000	
		- Số chi năm học 2025-2026. Trong đó:	81.990.000	
		+ Trả tiền mua nước uống cho học sinh	79.290.000	
		+ Trả tiền công vận chuyển nước lên các lớp	2.700.000	
		- Số dư năm học 2025-2026	0	
3	Tiền trông xe	- Số dư cuối năm học 2024-2025 mang sang	0	
		- Số thu năm học 2025-2026	17.595.000	
		- Số chi năm học 2025-2026. Trong đó:	<u>13.500.000</u>	
		+ Trả tiền công trông xe cho bảo vệ 9 tháng	13.500.000	
		- Số dư cuối năm học 2025-2026	4.095.000	
4	Tiền học Tiếng Anh Victoria khối 1, 2	- Số dư cuối năm học 2024-2025 mang sang	0	
		- Số thu năm học 2025-2026	95.580.000	
		- Số chi năm học 2025-2026. Trong đó:	95.580.000	
		+ Chi trả giáo viên dạy	73.150.000	
		+ Chi cho công tác quản lý, tuyên truyền	12.871.400	
		+ Chi tiền điện	4.614.261	
		+ Chi trả tiền mua cốc uống nước, sửa chữa bàn ghế các lớp.	4.944.339	
		- Số dư năm học 2025-2026	0	
5	Tiền trông giữ học sinh ngoài giờ	- Số dư cuối năm học 2024-2025 mang sang	0	
		- Số thu năm học 2025-2026	840.680.000	
		- Số chi năm học 2025-2026. Trong đó:	840.680.000	
		+ Chi trả tiền trông giữ học sinh ngoài giờ	630.510.000	
		+ Chi cho công tác tổ chức, quản lý, nhân viên, nhiệm vụ có liên quan	126.102.000	
		+ Chi trả tiền mua cơ sở vật chất (Bảng đẩy các lớp)	84.068.000	
		- Số dư năm học 2025-2026	0	
6	Tiền thu BHYT học sinh năm 2026	- Số thu năm học 2025-2026. Trong đó:	573.084.720	
		+ Khối 1:	128.929.320	
		+ Khối 2; 3; 4; 5	444.155.400	
		- Số chi năm học 2025-2026		
		+ Tổng số thu được đã nộp về cơ quan BHXH	573.084.720	
		- Số dư cuối năm học 2025-2026	0	

1.2. Kết quả thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 6 tháng năm 2026 (Tính đến hết 30.6.2026)

STT	Nội dung	Dự toán chi năm 2026	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	Dự toán thực hiện 6 tháng Cuối năm 2026	Dự toán thực hiện (6 tháng đầu năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nguồn dịch vụ	10.928.526.935	4.403.874.271	6.524.652.664	40
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.928.526.935	4.403.874.271	6.524.652.664	40
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.113.301.111	3.870.375.871	5.242.925.240	42
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.047.810.000	504.660.000	533.990.000	48
3	Quỹ tiền thưởng	392.215.824	0	392.215.824	0
4	Nguồn cấp bù học phí học kỳ I năm học 2025 – 2026	375.200.000	19.678.400	355.521.600	5

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

Đảm bảo HS thuộc hộ nghèo. HS khuyết tật được hưởng chính sách hỗ trợ theo đúng quy định. Không có học phí.

Trong năm học 2025-2026, đã thực hiện chi trả 2 học sinh được hỗ trợ chi phí học tập (em Nguyễn Khánh Quỳnh – 2E và em Đỗ Tất Nhân -3B) với tổng tiền 2.700.000 đồng/2em/9 tháng.

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): Không có.

4. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở

- Công khai dự toán ngân sách nhà nước cấp.
- Công khai quyết toán tài chính hằng quý, hàng năm.
- Công khai các khoản thu theo phê duyệt của PGD.
- Công khai Quy chế chi tiêu nội bộ.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Kết quả cán bộ, giáo viên, nhân viên

STT	Nội dung	Kết quả đạt được Năm học 2025-2026
1	Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên	36
2	Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	1
	Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh	02
3	Danh hiệu CSTĐ cơ sở	07
4	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND xã	2
5	Danh hiệu LĐTT	36/36, đạt tỷ lệ 100%
6	Giáo viên giỏi cấp trường	21/32, đạt tỷ lệ 66%
7	Giáo viên giỏi cấp xã	6/32, đạt tỷ lệ 19%
8	Sáng kiến cấp trường	21/36, đạt tỷ lệ 58%
10	Sáng kiến cấp xã	09/36, đạt tỷ lệ 25%

2. Kết quả học sinh tham gia các cuộc thi năm học 2025-2026

2.1. Cấp xã: Giải thi đấu thể thao cấp xã môn điền kinh có 01 Huy chương Vàng, 01 Huy chương Bạc và 01 Huy chương Đồng. Cuộc thi “Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng chống bạo lực học đường và phòng ngừa lao động trẻ em trái pháp luật”. Kết quả: 01 giải Nhất, 02 giải Nhì và 03 giải Ba. Tổ chức “Triển lãm tranh vẽ theo chủ đề về sách năm 2026” cấp xã có 05 bài tham dự.

2.2. Cấp tỉnh, cấp quốc gia:

- Kết quả các cuộc thi trên mạng (Trạng nguyên TV, Đấu trường VioEdu, Violympic, tiếng Anh IOE). Kết quả có 404 giải. Trong đó:

+ Giải cấp quốc gia: 46 giải (01 Huy chương vàng, 02 Huy chương Bạc, 07

Huy chương Đồng, 36 giải khuyến khích).

+ Giải cấp tỉnh: 358 (51 Huy chương vàng, 104 Huy chương Bạc, 115 Huy chương Đồng, 88 giải khuyến khích).

- Các cuộc thi khác: Có 01 em đạt giải Khuyến khích cấp tỉnh “Vẽ tranh theo sách; 01 em đạt giải; có 01 em đạt giải Ba cấp tỉnh **“Gia đình đọc sách - Gắn kết yêu thương”**; có 01 nhóm HS đạt Giải Ba cấp Tỉnh cuộc thi Sáng tạo Thanh Thiếu niên Nhi đồng; Có 02 học sinh đạt giải Khuyến khích cấp Quốc gia An toàn giao thông.

3. Các hoạt động giáo dục khác

- Tổ chức thành công “Trung thu chia sẻ yêu thương”.

- 100% các lớp tích trang trí lớp học sáng tạo, phù hợp, thuyết trình tốt.

- 100% các lớp tích cực tham gia các tiết mục văn nghệ chào mừng ngày 20/11.

- 100% các lớp tham gia múa hát tập thể chào mừng 22/12.

- Thi đồng diễn nghệ thuật truyền thống bài “Tự hào đất mẹ Khoái Châu”. Kết quả:

+ Giải nhất: 1C, 2E, 3A, 4B, 5C, 5G;

+ Giải nhì: 1E, 2A, 3C, 4A, 5B, 5D, 5E;

+ Giải ba: 1B, 1A, 1D, 1G, 2D, 2B, 2C, 3B, 3D, 3E, 4C, 4D, 4E.

- HS tích cực tham gia các cuộc thi Cuộc thi “Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng chống bạo lực học đường và phòng ngừa lao động trẻ em trái pháp luật”. Kết quả có 650 tranh vẽ chủ đề “phòng chống bạo lực học đường” và chọn được 34 bài xuất sắc nộp về Phòng văn hóa xã Khoái Châu.

- Tổ chức cuộc thi đọc hay, viết đẹp cấp trường đối với HS đạt: 30 giải Nhất; 42 giải Nhì; 53 giải Ba.

- Chỉ đạo tổ chức thành công Hưởng ứng Ngày sách và Văn hoá đọc Việt Nam lần thứ 2 với chủ đề “Sách và công nghệ - Mở rộng tri thức, kết nối tương lai” cấp trường. Kết quả:

+ Thi video giới thiệu về sách:

Giải Nhất: 1A, 2E, 3A, 4A, 5C;

Giải Nhì: 1C, 2C, 3B, 4B, 5D;

Giải Ba: 1E, 2A, 3D, 4D, 5G;

Giải KK: 1B, 1D, 1G, 2B, 2D, 3C, 3E, 4C, 4E, 5A, 5B, 5E.

+ Kể chuyện, đóng tiểu phẩm theo sách: Khối 4, 5 ấn tượng, có tính giáo dục cao.

- Tổ chức cho học sinh khối 3, 4 tham gia hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường tìm hiểu di tích lịch sử cấp quốc gia đền Hậu, thôn Đông Kết.

- Tổ chức “Hội chợ chào Xuân 2026” thành công. Sau hội chợ đã vận động được các lớp, cá nhân ủng hộ “Quỹ nhân ái” với số tiền **34.248.000 đồng** để tặng cho HS có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó làm tốt phong trào trong năm học như: ủng hộ nhân dân Cu Ba, ủng hộ đồng bào cơ bão số 10, ủng hộ quỹ người

nghèo, ủng hộ chị Ôn, cháu Diệu Nhi có hoàn cảnh khó khăn với tổng tiền **35.926.000** đồng.

Trên đây là Báo cáo thường niên trong năm 2026 của Trường Tiểu học Đông Kết theo Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT ngày 03/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Nay nhà trường báo cáo công khai trên website nhà trường, bản tin nhà trường và trong cuộc họp VC-NLĐ nhà trường để các cấp quản lý, VC-NLĐ cha mẹ học sinh, học sinh nhà trường và nhân dân trên địa bàn được biết./.

Nơi nhận:

- CB, GV, NV (Để phối hợp);
- PHHS các lớp (Để thực hiện)
- Lưu: Hồ sơ công khai, VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Thị Đào

